TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày 07- 11- 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Phức

2. Bà Cao Thị Lan

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: bà Nguyễn Thị Gien Ny- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8- Hưng Yên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:* bà Vũ Quỳnh Lam- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc: tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXX-ST ngày 21 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A); địa chỉ: số B L, phường G, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật*: ông Phạm Toàn V- Tổng Giám đốc

- *Người đại diện theo uỷ quyền*: ông Phạm Văn L- Giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh H

- *Người được ủy quyền lại*: bà Nguyễn Thị V1- Giám đốc phòng G- Ngân hàng N- Chi nhánh Hưng Hà Bắc Thái Bình

2. Bị đơn: ông Hoàng Văn T, sinh năm 1958 và bà Đặng Thị V2, sinh năm 1959; đều ở địa chỉ: thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình).

(Bà V1 có mặt; ông T và bà V2 đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Hoàng Văn T và bà Đặng Thị V2 ký với Ngân hàng N- Chi nhánh H- Phòng giao dịch thị trấn G (nay là phòng G) Hợp đồng tín dụng số 3407LAV202104006 ngày 31/12/2021 với hạn mức cho vay là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Thời hạn của hạn mức tín dụng là 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Ngày 31/12/2021, A đã giải ngân số tiền vay là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là 31/12/2022; mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh (chăn nuôi lợn). Lãi suất cho vay 9%/năm trên nợ gốc; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn lãi suất chậm trả là 10%/năm. Hình thức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 31/12/2022 ông T, bà V2 đã trả số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.667.534 đồng, sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khoản vay bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/01/2023. A đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông T, bà V2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T, bà V2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của A.

A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn T và bà Đặng Thị V2 trả Ngân hàng N- Chi nhánh H số tiền tính đến ngày 07/11/2025 là 82.754.630 đồng (T1 mươi hai triệu bẩy trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi đồng); trong đó: nợ gốc là 60.000.000 đồng; lãi quá hạn là 22.754.630 đồng và toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/11/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3407LAV202104006 ngày 31/12/2021

Trường hợp ông Hoàng Văn T và bà Đặng Thị V2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T, bà V2 để thu hồi nợ cho A.

Bị đơn là Hoàng Văn T và bà Đặng Thị V2 trong Biên bản lấy lời khai đều thống nhất trình bày: ông, bà xác nhận có vay Ngân hàng N- Chi nhánh H- Phòng giao dịch thị trấn G (nay là Phòng G) số tiền 65.000.000 đồng. Ông, bà đứng tên vay giúp cho ông Nguyễn Văn L1 là em họ của ông, bà. Do ông L1 chưa trả tiền cho ông, bà nên ông, bà chưa trả được số tiền đã vay cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 293, 294, 295, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn là ông T, bà V2 phải trả cho Ngân hàng N- Chi nhánh H toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông T, bà V2 đều đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Các đương sự tranh chấp việc thực hiện hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8- Hưng Yên

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 31/12/2021, Ngân hàng N- Chi nhánh H- Phòng giao dịch thị trấn G (nay là phòng G) có ký Hợp đồng tín dụng số 3407LAV202104006 cho ông Hoàng Văn T và bà Đặng Thị V2 hạn mức cho vay là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Thời hạn của hạn mức tín dụng là 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Ngày 31/12/2021, A đã giải ngân số tiền vay là 65.000.000 đồng (Sáu mươi

lăm triệu đồng). Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông T, bà V2 không thực hiện trả nợ theo hợp đồng là vi phạm các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký. Như vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà V2 trả nợ tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 07/11/2025 là 82.754.630 đồng (T1 mươi hai triệu bẩy trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi đồng); trong đó: nợ gốc là 60.000.000 đồng; lãi quá hạn là 22.754.630 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận.

Việc ông T, bà V2 cho rằng ông, bà đứng tên vay tiền Ngân hàng giúp cho em họ là ông Nguyễn Văn L1 là giao dịch cá nhân giữa ông, bà với ông L1, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[3.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản để thu hồi nợ thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466, 317, 319, 320, 323, 293, 298, 299 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A)

2. Buộc ông Hoàng Văn T và bà Đặng Thị V2 phải trả Ngân hàng N- Chi nhánh H toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 07/11/2025 là 82.754.630 đồng (T1 mươi hai triệu bẩy trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi đồng); trong đó: nợ gốc là 60.000.000 đồng; lãi quá hạn là 22.754.630 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3407LAV202104006 ngày 31/12/2021

Kể từ ngày 08/11/2025, ông Hoàng Văn T và bà Đặng Thị V2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh cho đến ngày thực trả hết nợ cho Ngân hàng N- Chi nhánh H theo lãi suất quá hạn trên số tiền nợ gốc được quy định tại Hợp đồng

tín dụng số 3407LAV202104006 ngày 31/12/2021.

3. Về án phí:

- Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại A số tiền 1.983.000 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000028 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Văn T và bà Đặng Thị V2

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8 Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng